TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/HC-PT
Ngày 01 tháng 3 năm 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 205/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 269/2021/HC-ST ngày 09, 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HN, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1241/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Khuất Thị Kim T, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 (ông Nguyễn Văn C ủy quyền cho Bà Khuất Thị Kim T tham gia tố tụng); địa chỉ: Thôn NG, Xã NH, huyện CM, thành phố HN. Bà T, ông C đều có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HN; do ông Nguyễn Trọng Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố HN làm đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện CM, thành phố HN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CM, thành phố HN; do ông Trịnh Duy O - Phó Chủ tịch UBND huyện CM, thành phố HN làm đại diện. Vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân Xã NH, huyện CM, thành phố HN; do ông Trịnh Duy H - Chủ tịch UBND Xã NH, huyện CM, thành phố HN làm đại diện. Vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn NG, Xã NH, huyện CM, thành phố HN. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn NG, Xã NH, huyện CM, thành phố HN. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn NG, Xã NH, huyện CM, thành phố HN. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Nguyễn Anh T, Anh Nguyễn Minh H: Bà Khuất Thị Kim T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn NG, Xã NH, huyện CM, thành phố HN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km22+220) qua địa phận thị trấn CS, huyện CM, Uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố HN ban hành Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 về việc phê duyệt hồ sơ chỉ giới đường đỏ Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km 22+220) qua địa phận thị trấn CS, huyện CM, tỷ lệ 1/500.

Ngày 12/12/2011, UBND thành phố HN ban hành Quyết định số 5757/ QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình; tên Dự án: Cải tạo,nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 - đoạn Km 19+920 đến Km 22+220 qua địa phận thị trấn CS, huyện CM; chủ đầu tư dự án là UBND huyện CM.

Ngày 02/11/2011, UBND huyện CM đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án, theo đó tổng diện tích đất thu hồi khoảng 134.288m^2 thuộc địa bàn thị trấn CS, xã NH và xã TP, huyện CM.

Ngày 29/3/2012, UBND huyện CM ban hành Quyết định số 458/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư thực hiện dự án; Quyết định số 460/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác số 2 giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMBvà tái định cư thực hiện dự án.

Ngày 28/9/2012, UBND huyện CM ban hành Quyết định số 7101/ QĐ-UBND về việc kiện toàn thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư thực hiện dự án.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CM thẩm định, duyệt ngày 24/12/2012 phục vụ Dự án cải tạo,nâng cấp mở rộng và chỉnh trang 2,3 km đường Quốc lộ 6 đoạn qua địa

phận Xã NH, thị trấn CS, huyện CM; Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới phục vụ công tác GPMB thực hiện Dự án và xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã NH, UBND huyện CM đã ban hành Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi đất 192,5 m^2 của hộ ông Nguyễn Văn C, trong đó có 182,9m^2 đất hành lang giao thông Quốc lộ 6 và 9,6m^2 đất ở nông thôn. Tại Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, UBND huyện CM phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông C với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 468.117.616 đồng.

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, ông C, Bà T khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện CM. Ngày 15/5/2017, Chủ tịch UBND huyện CM đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3687/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016. Sau đó, ông C, Bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố HN. Ngày 06/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố HN ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 6958/QĐ-UBND với dội dung đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện CM.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 27/12/2017 ông C, Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM. Ngày 13/4/2018, ông C, Bà T bổ dung đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện CM về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 6958/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố HN về việc giải quyết khiếu nại (lần 2). Ông C, Bà T trình bày căn cứ khởi kiện như sau: Đất của gia đình bị thu hồi có nguồn gốc do bố, mẹ để lại; diện tích đất bị thu hồi là 192,5m^2 đất ở được gia đình sử dụng từ năm 1982 nên có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, gia đình ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 267,4m^2. Diện tích đất bị thu hồi là phần đất gia đình vẫn đóng thuế sử dụng hàng năm, đã xây nhà trên đất và có 3 hộ gia đình đang sinh sống. Theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì gia đình ông bà đủ điều kiện được bồi thường về đất và được hưởng tái định cư bằng đất ở cho hai hộ gia đình Anh Nguyễn Anh T và Anh Nguyễn Minh H là hai con trai của ông bà. Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ thì còn thiếu khoản hỗ trợ di chuyển.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là UBND huyện CM trình bày: Căn cứ Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 và Quyết định số 5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND thành phố HN về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km22+220) qua địa phận thị trấn CS, huyện CM, ngày 02/11/2011 UBND huyện CM đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án.

Căn cứ quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố HN về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố HN về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố HN; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố HN về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố HN, việc UBND huyện CM ban hành Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thu hồi 192,5m^2 đất của hộ ông Nguyễn Văn C và Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc Phê duyệt phương án chi tiết và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đối với hộ ông Nguyễn Văn C là hoàn toàn đúng pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai và khoản 4 Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, bởi lẽ:

- Theo Bản đồ giải phóng mặt bằng dự án thì toàn bộ diện tích đất hộ ông Nguyễn Văn C bị thu hồi có 182,9m^2 là đất nằm trong chỉ giới lưu không 28m, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 được quy định tại Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Ông C, Bà T không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất bị thu hồi.

Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND Xã NH thì Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C có tổng diện tích sử dụng 451,9m^2 đất, trong đó có 145m^2 đất ở gia đình sử dụng từ trước năm 1984 (thuộc thửa 42, bản đồ đo vẽ năm 1984). Phần diện tích còn lại 306,9m^2 gia đình tự sử dụng thuộc một phần thửa 51, diện tích 7904m^2 (không có biên bản xử lý vi phạm). Ngày 15/8/2001, ông Nguyễn Văn C có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 267,4m^2 thuộc thửa đất số 42 và một phần thửa đất số 51. Ngày 23/01/2003, UBND huyện CM có Quyết định số 44/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân ở Xã NH với tổng số chủ sử dụng đất được cấp là 150 hộ gia đình cá nhân, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C được cấp diện tích đất 267,4m^2, gồm 162m^2 đất ở và 105,4m^2 đất vườn, có nguồn gốc đất cha ông để lại. Ngoài diện tích cấp giấy chứng nhận 267,4m^2, hộ ông C còn sử dụng diện tích 182,9m^2 (thuộc một phần thửa 51, diện tích 7904m^2, bản đồ đo vẽ năm 1984) được UBND Xã NH xác nhận là đất nằm trong chỉ giới hành lang lưu không 28m Quốc lộ 6, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Căn cứ Biên bản điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm ngày 02,03,04 tháng10/2012 của Tổ công tác; Giấy xác nhận của UBND Xã NH và quy định tại các Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013 thì UBND huyện CM xác định phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thỏa mãn quy định tại khoản 4 Điều 21 và

Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất.

- Về chính sách hỗ trợ khác: Do đất bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường nên gia đình ông Nguyễn Văn C không được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Luật đất đai 2013 và quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Về tái định cư: Do hộ ông Nguyễn Văn C chỉ bị thu hồi 9,6 m^2 đất ở, diện tích đất ở còn lại là 259,4m^2 và dự án không thu hồi đất của hộ gia đình Anh Nguyễn Anh T và anh Nguyễn Anh H nên hai hộ gia đình anh T và anh H không được xét bố trí đất tái định cư.

Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C đã được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017: Việc Chủ tịch UBND huyện CM giữ nguyên Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM; Đính chính về phần diện tích hộ ông Nguyễn Văn C đang sử dụng là 451,9m^2 trong phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư ghi nhầm là 541,9m^2; Đính chính diện tích còn lại là 259,4m^2 trong phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (ghi sai là 349,4m^2) là có căn cứ pháp lý và đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và Bà Khuất Thị Kim T là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và Bà Khuất Thị Kim T.

Đại diện Chủ tịch UBND thành phố HN trình bày: Chủ tịch UBND thành phố HN ban hành Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông C, Bà T (lần 2) là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011. Về nội dung khiếu nại: Sau khi rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố HN không có ý kiến gì khác với quan điểm thể hiện tại quyết định nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND Xã NH trình bày: Theo Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CM phê duyệt tháng 9/2012 phục vụ GPMB thực hiện dự án thì hộ ông Nguyễn Văn C sử dụng diện tích đất 451,9m^2 thuộc thửa số 20, tờ Bản đồ số 05 nằm trong chỉ giới GPMB, trong đó diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án là 192,5 m^2 trong đó diện tích đất nằm từ tim đường quốc lộ 6 (trước khi nâng cấp cải tạo) vào 28,0m là 182,9 m^2, diện tích đất nằm từ 28,0m vào đến chỉ giới GPMB là 9,6m^2.

Kết quả xác nhận nguồn gốc đất đai ngày 29/11/2016, UBND Xã NH có báo cáo: Nguồn gốc đất của hộ ông C đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 266 cấp ngày 30/01/2003. Thời điểm bắt đầu sử dụng đối với diện tích đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất: Ông C xây nhà cấp 4 năm 1983, năm 1987 xây lại. Diện tích đang sử dụng vào mục đích để ở còn lại là

259,4m^2. Tờ khai thuế hộ ông C do ông C kê khai năm 1994 đối với diện tích đất ở là 145m^2, ông C không kê khai đất lưu không đường Quốc lộ 6 do gia đình đang sử dụng liên quan đến dự án. Sổ bộ thuế lập năm 1993, hộ ông C có tên trong sổ nộp thuế nhà đất diện tích 145m^2 là đất ở, không có đất vườn, phù hợp với tờ khai thuế của hộ do ông Nguyễn Văn C đã khai và diện tích này được thể hiện trong sơ đồ giải thửa lập năm 1984, thuộc thửa 42, diện tích 145m^2.

Với kết quả xác minh, tài liệu thu thập và hồ sơ lưu trữ tại địa phương như trên, UBND xã xác nhận diện tích đất hộ gia đình ông C đang sử dụng nằm trong hành lang lưu không đường Quốc lộ 6 là 182,9 m^2, là đất thuộc diện tích hành lang chỉ giới giao thông Quốc lộ 6. Đây là căn cứ để UBND huyện CM ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Anh T và Chị Nguyễn Thị X trình bày: Khu đất mà gia đình bố mẹ anh T đang ở là khu đất của gia đình đã sử dụng lâu đời. Năm 1975-1976, nhà nước mở đường Quốc lộ 6 đã đi qua khu đất này của gia đình nhà bố mẹ anh, lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N (bố đẻ của ông Nguyễn Văn C) là chủ sử dụng chỉ được đền bù hoa màu. Khoảng năm 1978 - 1979, ông bà chia đất cho các con và ông C (bố anh T) được quyền sử dụng khu đất này cùng với khu nhà cấp bốn cách tim Quốc lộ 6 khoảng 8 mét để ở. Phần giáp đường làng là 01 cái ao sâu và rộng của gia đình. Năm 1981 bố anh T chuyển nhượng bớt 01 phần nhà ở trên diện tích đất là 60m^2 cho bà Nguyễn Thị H có sự xác nhận của UBND Xã NH. Năm 1982, bố mẹ anh T đã sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Bố mẹ anh đã san lấp khu ao của gia đình và xây dựng thêm công trình nhà ở. Năm 2001, chính quyền thôn đi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ cấp diện tích đất từ phần chỉ giới lưu không 28 mét trở vào, còn phần diện tích đất từ chỉ giới lưu không 28 mét gia đình anh T vẫn được sử dụng nhưng không được làm nhà kiên cố. Mẹ anh T là Bà Khuất Thị Kim T đã ký vào hồ sơ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích từ mốc 28 mét trở vào đường làng. Năm 2005 chính quyền thôn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông C, Bà T nhưng do sơ xuất bố mẹ anh T đã để thất lạc. Theo như hiện trạng sử dụng khu đất của gia đình nhà anh T thì phần đất mà gia đình bố mẹ anh bị Nhà nước thu hồi để mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 thế nhưng tại Quyết định thu hồi đất số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, UBND huyện CM lại không đền bù diện tích đất thu hồi trên theo giá đất ở mà chỉ đền bù 9,6m^2 nằm trong phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bố mẹ anh T đã làm đơn khiếu nại gửi lên UBND huyện CM, UBND thành phố HN và được trả lời bằng Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/05/2017 của UBND huyện CM và Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND thành phố HN. Anh T cho rằng việc giải quyết của các cấp là không đúng, các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước đã căn cứ vào những bằng chứng không chuẩn xác, giải quyết không thỏa đáng quyền lợi của gia đình bố mẹ anh.

Năm 2009, anh T kết hôn với Chị Nguyễn Thị X. Năm 2010 được bố mẹ là

ông Nguyễn Văn C và Bà Khuất Thị Kim T cho ngôi nhà cấp bốn nằm trên vị trí khu đất bị thu hồi hiện tại. Vợ chồng anh đã sinh sống tại ngôi nhà đó từ năm 2010 đến nay không tranh chấp với ai, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ xây dựng thôn xóm và đóng thuế nhà đất đầy đủ với nhà nước, có sử dụng điện riêng. Hiện nay vợ chồng anh đã sinh được 3 người con. Do các cháu còn nhỏ, hay ốm đau, bản thân chị X lại bị thất nghiệp nên cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Khi nhà nước mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6A giai đoạn 1 đã lấy đi phần đất làm sân bê tông của gia đình anh. Quá trình thi công đã làm lún sụt nền, đổ tường và hỏng công trình phụ nên anh chị phải sửa lại mới ở được. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có tiền sửa chữa anh T phải đi thuê nhà trọ ở và cho Văn phòng công chứng Đại Nam đầu tư tiền thuê nhà 3 năm để anh chị sửa chữa. Nay nhà nước yêu cầu giải tỏa khu nhà đó để chỉnh trang nâng cấp Quốc lộ 6 giai đoạn 2, anh T, chị X không được cấp đất tái định cư, không được hỗ trợ di chuyển nên bố mẹ anh đã không đồng ý với quyết định của UBND huyện và UBND huyện đã ra quyết định cưỡng chế khu nhà đó, bố mẹ anh không muốn gây ra những hình ảnh phản cảm cho con cháu nên đã tháo dỡ và bàn giao mặt bằng cho UBND huyện. Hiện nay, do không có nhà ở nên anh T phải gửi đứa con đầu nhờ bố mẹ anh trông nom và phải mượn nhà để vợ chồng và 2 con của anh ở. Anh T cho rằng việc UBND huyện CM ban hành Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 thu hồi phần diện tích có ngôi nhà mà vợ chồng, con cái anh T đang sinh sống ổn định, thường xuyên và liên tục mà không có phương án đền bù, hỗ trợ đất cho gia đình anh tái định cư, ổn định cuộc sống là đã đẩy gia đình anh vào cảnh không có nơi ăn chốn ở và không thấu tình đạt lý. Anh T, chị X đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM và các quyết định có liên quan bởi lẽ quyết định trên đã không đền bù đầy đủ số diện tích đất mà nhà nước đã thu hồi của gia đình bố mẹ anh theo giá đất ở; Buộc UBND huyện CM có phương án hỗ trợ và cấp đất tái định cư cho gia đình anh T bởi hiện tại phần đất mà gia đình anh T đang ở đã bị Nhà nước ra quyết định thu hồi.

Anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh đồng nhất với ý kiến của bố mẹ anh và giữ nguyên quan điểm cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 269/2021/HC-ST ngày 09,14 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố HN đã căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100, Điều 101 và Điều 102 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22, Điều 28 và Điều 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại 2011; Điều 18, Điều 20, khoản 4 Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; khoản 2, khoản 3 Điều 14 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Điều 5, Điều 7, khoản 2, khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Uỷ ban nhân dân thành phố HN, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, Bà Khuất Thị Kim T đề nghị Toà án hủy các quyết định hành chính, gồm: Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM về việc thu hồi đất; Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn C; Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện CM về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố HN về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/12/2021, người khởi kiện là Bà Khuất Thị Kim T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo với lý do đất của gia đình có nguồn gốc cha ông để lại đã được gia đình sử dụng ổn định, xây nhà trên đất từ năm 1983 nhưng khi thu hồi đất nhà nước không bồi thường và không cấp đất tái định cư cho anh T, anh H là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người khởi kiện là Bà Khuất Thị Kim T không rút đơn khởi kiện; Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố HN, UBND huyện CM, thành phố HN, Chủ tịch UBND huyện CM, thành phố HN có văn bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố HN, UBND huyện CM, thành phố HN, Chủ tịch UBND huyện CM, thành phố HN vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND Xã NH, huyện CM, thành phố HN và Chị Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Ngày 27/12/2017, ông Nguyễn Văn C, Bà Khuất Thị Kim T khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM, thành phố HN về việc thu hồi đất đối với hộ ông C. Ngày 13/4/2018, ông C, Bà T bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM, thành phố HN về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện CM, thành phố HN và Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố HN về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Xét đối tượng khởi kiện trong vụ án là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố HN thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H , Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 (đoạn từ Km 19+920 đến Km 22+220) thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 62, Điều 63, Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013, ngày 30/12/2016 UBND huyện CM, thành phố HN ban hành Quyết định số 12177/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 12363/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án cho hộ ông Nguyễn Văn C là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục khi nhà nước thu hồi đất.

Quá trình giải quyết khiếu nại của gia đình ông C, Bà T, Chủ tịch UBND huyện CM, thành phố HN đã ban hành Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố HN đã ban hành Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng thẩm quyền và đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại 2011; Điều 69, Điều 74, Điều 83 Luật đất đai 2013; Điều 22, Điều 28, Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[4.2] Về tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của quyết định hành chính:

[4.2.1] Đối với Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM:

Ông C, Bà T cho rằng diện tích đất của gia đình sử dụng bị thu hồi là 192,5m^2 đất có nguồn gốc là do bố mẹ để lại chứ không phải đất công thuộc hành lanh giao thông, bởi lẽ diện tích đất này do gia đình sử dụng ổn định từ năm 1982, có đóng thuế sử dụng hàng năm, đã xây nhà trên đất và có 3 hộ gia đình sinh sống trên đất nên có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông C, Bà T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất bị thu hồi. Trong khi đó, hồ sơ địa chính lưu giữ tại địa phương thể hiện: Theo Bản đồ lập các năm 1966 và năm 1984, bản kê khai nộp thuế sử dụng đất thì không có căn cứ xác định hộ ông C là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án. Quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và nộp thuế sử dụng đất tại Xã NH được thực hiện năm 1993 và năm 1994, hộ ông C không kê khai phần diện tích đất này. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Hộ gia đình ông C có tổng diện tích sử dụng 451,9m^2 đất, trong đó có 145m^2 đất ở gia đình sử dụng trước năm 1984 (thuộc thửa 42, bản đồ đo vẽ năm 1984), phần diện tích còn lại 306,9m^2 gia đình tự sử dụng thuộc một phần thửa 51, diện tích 7.904m^2. Ngày 15/8/2001, ông C có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 267,4m^2 thuộc thửa đất số 42 và một phần thửa đất số 51. Ngày 23/01/2003, UBND huyện CM có Quyết định số 44/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân ở Xã NH với tổng số chủ sử dụng đất được cấp là 150 hộ gia đình cá nhân, trong đó có hộ ông C được cấp với diện tích 267,4m^2, gồm 162m^2 đất ở và 105,4m^2 đất vườn, có nguồn gốc đất cha ông để lại. Ngoài diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 267,4m^2 hộ ông C còn sử dụng diện tích 182,9m^2 (thuộc một phần thừa 51, diện tích 7.904m^2, bản đồ đo vẽ năm 1984) được UBND Xã NH xác nhận là đất nằm trong chỉ giới hành lang lưu không 28m Quốc lộ 6 nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực tế, đến thời điểm thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 năm 2012, thì toàn bộ diện tích đất 182,9m^2 hộ gia đình ông C sử dụng nằm trong dự án đều là đất thuộc hành lang giao thông đường bộ theo Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ; Quyết định số 06-

CT của Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện Nghị định số 203-HĐBT và Quyết định số 237/QĐ-UB ngày 15/5/1993 của UBND tỉnh HT về mặt cắt ngang tuyến đường bộ thuộc tỉnh HT (quy định cụ thể Quốc lộ 6 từ BL đến CK, XM: Đoạn không qua thị trấn, thị tứ có mặt cắt ngang là 56m, từ tim đường ra mỗi bên là 28m).

Tại Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất do Tổ công tác số 2 huyện CM thực hiện lập ngày 02/10/2012 thể hiện: Diện tích đất hộ ông C bị thu hồi thực hiện dự án theo Bản đồ tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là 192,5m^2; toàn bộ công trình, tài sản trên đất đã được Tổ công tác kiểm đếm, thống kê đầy đủ và Anh Nguyễn Anh T (con trai ông C) là người đang trực tiếp sử dụng đất đã ký xác nhận vào Biên bản.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C, Bà T về việc hủy Quyết định 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM là đúng.

[4.2.2] Đối với Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km22+220), qua địa phận thị trấn CS, huyện CM đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

- Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Căn cứ quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì hộ gia đình ông C không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 182,9m^2 đất bị thu hồi tại dự án, bởi: Hộ ông C không có bất cứ giấy tờ gì làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hoặc chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất bị thu hồi theo quy định tại các Điều 100, Điều 101, Điều 102 Luật đất đai năm 2013 và các Điều 18, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Xác nhận của một số người cao tuổi từng công tác tại Xã NH cũng không đủ căn cứ xác định đất hộ ông C sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc do ông cha để lại và cũng không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, hộ ông C cũng không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất bị thu hồi thoả mãn quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên không đủ điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

Việc bố trí đất tái định cư: Ngày 15/01/2010, gia đình ông C lập Biên bản họp gia đình về việc cho Anh Nguyễn Anh T (con ông C) ngôi nhà ở phần giáp đường Quốc lộ 6 để ở và kinh doanh, cùng với diện tích đất khoảng 120m^2 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Ông C chưa làm thủ tục tặng cho anh T đối với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong chỉ giới GPMB theo đúng quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2003 quy định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và Điều 129 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 167 Luật Đất đai năm 2013) quy định về trình tự, thủ tục đăng ký thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, việc UBND huyện CM phê duyệt phương án bồi

thường về đất cho ông C là phù hợp. Mặt khác, diện tích còn lại sau thu hồi của gia đình ông C là 259,4m^2 đủ điều kiện để ở. Việc ông C, Bà T, anh T, anh H đề nghị cấp đất tái định cư cho anh T là không đúng quy định tại Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị định 47/2014 ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C, Bà T về việc hủy Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM là đúng.

[4.2.3] Đối với Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện CM về việc giải quyết khiếu nại của ông C (lần đầu) và Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố HN về việc giải quyết khiếu nại của ông C (lần hai).

Quyết định số 3687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện CM giữ nguyên Quyết định số 12177/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện CM. Đính chính về phần diện tích hộ ông C đang sử dụng là 451,9m^2 trong phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư ghi nhầm là 541,9m^2; Đính chính diện tích còn lại là 259,4m^2 trong phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (ghi sai là 349,4 m^2) là có căn cứ pháp lý và đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông C tiếp tục khiếu nại lần hai tới Chủ tịch UBND thành phố HN. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại số 2853/BC-TTTP-P2 ngày 22/8/2017 của Thanh tra thành phố, Chủ tịch UBND thành phố HN đã ban hành Quyết định số 6958/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông C.

Xét thấy, như phân tích tại phần trên thì Quyết định số 12177/QĐ-UBND và Quyết định số 12363/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 do UBND huyện CM ban hành là đúng pháp luật, nên không có cơ sở để xác định các Quyết định hành chính giải quyết khiếu nại, bao gồm: Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện CM và Quyết định số 6958/QĐ-UBND cùng ngày 06/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố HN là trái pháp luật.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Khuất Thị Kim T và ông Nguyễn Văn C là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Bà Khuất Thị Kim T, Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Khuất Thị Kim T là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị được miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Bà Khuất Thị Kim T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H ; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 269/2021/HC-ST ngày 09, 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HN.

2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Khuất Thị Kim T được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp (do Bà Khuất Thị Kim T nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000610 và số AA/2021/0000609 cùng ngày 28/02/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố HN.

Xác nhận Anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Minh H đã thi hành xong khoản tiền nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuyển **Nguyễn Phan Nam** **Phùng Hải Hiệp**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố HN;*
- *VKSND thành phố HN;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục THADS thành phố HN;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

Phùng Hải Hiệp